

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 09-7-2021
V/v: “Ly hôn, t/c về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Xuân Sơn
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Huỳnh Bình
 2. Ông Nguyễn Ngọc Anh

*** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Cao Kỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Kim U, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Số nhà 79/78, đường Huỳnh Văn Lũy, Khu phố B, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0356.xxxxxx – 0352.xxxxxx

- *Bị đơn:* Anh Ngô Minh T, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Số nhà 215/26/1, hẻm 215/26, đường ĐT 768, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Chị U có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim U trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu năm 2009 đến năm 2010 thì quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận kết hôn. Lúc này anh T đang làm tài xế, chưa có biểu hiện tiêu cực gì trong cuộc sống.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với ba mẹ anh T tại xã T, huyện C. Thời gian này cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thay đổi tính tình, thường đi sớm, về khuya, tụ tập bàn bè ăn chơi, nhậu nhẹt, không lo làm ăn, đêm thì ăn chơi, ngày thì ngủ. Sự việc cứ lặp đi lặp lại, kéo dài làm cho chị rất chán nản. Chị đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T ừ cho qua chuyện, không nghe. Chiếc xe là tài sản của chị dùng để làm phương tiện đi lại thì anh T cũng bán. Mẹ chị phải mua cho chị cái khác thì anh T cũng hỏi mượn, chị sợ anh T tiếp tục bán nên không cho mượn thì anh T giận. Những mâu thuẫn trên anh chị đã trao đổi, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Những mâu thuẫn này gia đình hai bên đều biết. Ba mẹ, anh chị anh T thì khuyên bảo nhưng anh T cũng không thay đổi. Mâu thuẫn của anh chị cũng chưa được chính quyền địa phương hòa giải gì do anh chị không báo cho địa phương biết. Do những mâu thuẫn trên nên anh chị đã ly thân hai năm nay. Chị sống ở nhà mẹ chị tại thành phố H, còn anh T vẫn sống ở nhà ba mẹ anh T tại xã T, huyện C. Từ khi ly thân cho đến nay, vợ chồng cũng không gặp nhau để hàn gắn, đoàn tụ. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết xin ly hôn với anh Tánh.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên là Ngô Minh Th, sinh ngày 04/9/2010 và Ngô Minh P, sinh ngày 01/10/2013. Hiện 02 con chung đang do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Nhưng cuối tuần chị có ghé đón 02 con về nhà mẹ ruột chơi, chủ nhật lại trả về cho anh T chăm sóc. Do anh T không đi làm nên chi phí cho hai con chung cũng do chị và ba mẹ của anh T chu cấp. Nay chị đồng ý giao 02 con cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời chị cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ngoài ra, chị còn chu cấp thêm để chăm lo cho 02 con. Hiện nay chị đang làm công nhân, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Ngô Minh T đã được gửi, giao, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng anh Tánh vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có lời khai.*

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không hợp tác nên gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị U không còn tình cảm với anh T nên đề nghị cho chị U được ly hôn với anh T; Về quan hệ con chung: Chị U và anh T có 02 con chung tên là Ngô Minh Th, sinh ngày 04/9/2010 và Ngô Minh P, sinh ngày 01/10/2013. Hiện 02 con chung do anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn, chị U tự nguyện đề nghị giao 02 con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời chị cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên đề nghị chấp nhận; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị U phải chịu theo quy định. Về quyền kháng cáo thực hiện theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị Kim U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Anh Ngô Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Huỳnh Thị Kim U khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Ngô Minh T, sinh năm: 1991, Nơi cư trú: Số nhà 215/26/1, hẻm 215/26, đường ĐT 768, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị Huỳnh Thị Kim U là nguyên đơn, anh Ngô Minh T là bị đơn; quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim U và anh Ngô Minh T kết hôn với nhau năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển số

01/2013 ngày 11/03/2013. Căn cứ các Điều 9, 10, 11, 12, 13 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh T có giá trị pháp lý. Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ xét thấy tình trạng hôn nhân của chị U và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thể hiện: Qua lời trình bày của chị U; kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T; chị U và anh T đã ly thân nhau từ tháng năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị U, anh T đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không có kết quả do cả hai không muốn đoàn tụ; Khi chị U xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, anh T đã được Tòa án gửi, giao, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để chị U, anh T đến Tòa án làm việc, gặp nhau, hòa giải nhằm hàn gắn, đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng anh T vẫn không có mặt thể hiện anh T muốn bỏ mặc cuộc hôn nhân với chị U. Căn cứ Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim U. Chị Huỳnh Thị Kim U được ly hôn anh Ngô Minh T.

[4]. Về con chung: Chị U và anh T có 02 con chung tên là Ngô Minh Th, sinh ngày 04/9/2010 và Ngô Minh P, sinh ngày 01/10/2013. Hiện 02 con chung do anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn, chị U đồng ý giao 02 con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời chị U cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Còn anh T không có ý kiến. Xét thấy, theo chị U từ trước đến nay 02 con chung do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, vẫn phát triển bình thường về tâm thần và thể chất; Chị U đồng ý giao 02 con cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng; Cháu Ngô Minh Th và Ngô Minh P có ý kiến muốn ở với anh T. Do đó giao 02 con chung là Ngô Minh Th, sinh ngày 04/9/2010 và Ngô Minh P, sinh ngày 01/10/2013 cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm thời chị U cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là có cơ sở. Chị U có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không có ý kiến, chị U không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Huỳnh Thị Kim U phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp theo Biên lai thu số 0004898 ngày 08/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị U còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Huỳnh Thị Kim U đối với anh Ngô Minh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim U được ly hôn anh Ngô Minh T.

[3]. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung tên là Ngô Minh Th, sinh ngày 04/9/2010 và Ngô Minh P, sinh ngày 01/10/2013 cho anh Ngô Minh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời chị Huỳnh Thị Kim U cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Huỳnh Thị Kim U có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.1]. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền nêu tại mục [3], hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3.2]. Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim U phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp theo Biên lai thu số 0004898 ngày 08/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị U còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Kim U được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Minh T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND xã Tân Bình, H. Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(*đã ký tên, đóng dấu*)

Võ Xuân Sơn